

TRẦM TƯ VỀ VĂN HIẾN VIỆT NAM (2)

CHU TẤN

"...Nhà nước Lương Chủ được khảo cổ học phát hiện chính là nhà nước Xích Quỷ trong truyền thuyết. Việt Nam là hậu duệ của nhà nước Xích Quỷ nên có 5000 năm văn hiến..."



4.1. Sách Dư Địa Chí của Nguyễn Trãi do Lý Tử Tấn viết thông luận, có đoạn: "từ khi người Nguyên vào Trung Quốc, về sau thiên hạ biến thành nói tiếng Hồ, mặc áo Hồ. Không thay đổi thì chỉ có nước ta cùng họ Chu ở Kim Lăng, họ triều ở Kim Sơn mà thôi. Đến khi Thái tổ nhà Minh lên làm vua, sai Dịch Tế Dân sang thông hiếu, vua Dụ Tông sai Doãn Thuấn Thần sang cống nhà Minh. Vua Minh úy lạo hỏi quốc sứ khen phong tục, y phục vẫn giống như văn minh Trung Hoa, ban cho bài thơ ngự chế rằng":

安南際有陳/ 風俗不元人

衣冠周制度/ 禮樂宋君臣

An Nam tế hữu Trần/ Phong tục bất Nguyên nhân Y quan Chu chế độ/ Lễ nhạc Tống quân thần.

(đất An Nam có họ Trần/ phong tục không theo người Nguyên

áo mũ[32*] vẫn theo chế độ nhà Chu/

lễ nhạc vẫn hết như vua tôi nhà Tống)

Rồi cho bốn chữ "**Văn Hiến Chi Bang**" và thăng địa vị cho sứ thần của Đại Việt lên trên sứ thần Triều Tiên ba cấp."[33*]

Đây là đoạn thông luận mà Lý Tử Tấn chừa cho phần chính văn của Nguyễn Trãi đang gián tiếp bàn về văn hiến, đoạn ấy cụ thể như sau:

"Người trong nước không được bắt chước ngôn ngữ và y phục của các

nước Ngô[34*], Chiêm, Lào, Xiêm, Chân Lạp để làm loạn phong tục trong nước"[35*].

Đoạn văn trên cho chúng ta biết một số dữ kiện như sau: 1. Chữ văn hiến được dùng cho Đại Việt vào cuối đời Trần, điều này chứng tỏ 2. Nho sỹ đời Trần mặt ít nhiều tạo dựng được bối cảnh tri thức cũng như bối cảnh văn hóa Nho giáo ở một mức độ nhất định, đến mức vua Minh Thái Tổ làm thơ ngự chế và ban tặng đích danh bốn chữ "văn hiến chi bang 文獻之邦" vào năm Đại Trị thứ nhất (1368)[36*] 3. Như thế, đây là tư liệu thành văn sớm nhất khảo được (trái với quan niệm phổ biến trước đây, coi chữ văn hiến lần đầu xuất hiện trong bài Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi).

Đoạn văn trên cũng cho biết một số thông tin cụ thể về nội hàm của khái niệm văn hiến trong bối cảnh tri thức Nho giáo. Đó là bốn yếu tố: 1. Phong tục, 2. chế độ y quan; 3. chế độ lễ nhạc [37*]. 4. Ngôn ngữ.

4.2. Chữ văn hiến được đưa vào văn chương trong bài Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi (1428):

維我大越之國/ 實為文獻之邦

Duy ngã Đại Việt chi quốc/ Thực vi văn hiến chi bang

Nghĩa là: Chỉ có nước Đại Việt ta/ Thực là nước văn hiến.

Thế kỷ XV trên bia tiến sĩ ở Văn Miếu Hà Nội khoa Quang Thuận thứ 4 (1463) có ghi đoạn văn sau: "Học trò may được khắc trên bia đá này, phải theo danh nghĩa sửa đức hạnh, bắt chước tính giữ gìn văn hiến".

Tuy nhiên, hai ngữ cảnh trên đều không cho biết nội hàm của khái niệm văn hiến. Bình Ngô đại cáo cung cấp một thông tin lịch sử đáng chú ý, đó là sự ghi nhận Đại Việt "vốn xưng nền văn hiến đã lâu". Phải chăng đây chính là cứ liệu quan trọng (duy nhất!) để các nhà làm từ điển hiện đại phân suất nghĩa của từ văn hiến thành "truyền thống văn hóa lâu đời" như đã nói đến ở trên?

4.3. Bài tựa Tân đính Lĩnh Nam chích quái tự新訂嶺南摘怪序 của Vũ Quỳnh trong sách Lĩnh Nam chích quái 嶺南摘怪 được viết năm 1492 có đoạn như sau: 嶺南摘怪之書。所以稽考古奇幻之事。憑諸俗話。出於群儒記載。蔓引輯述不一。蓋我越文教最古。較諸國甚遠。其怪誕遺編。默付前鑿皆得於偶語常談。以愈世紀耳。況洪荒事迹。至歷千古。驗之無証著之難明。多有缺疑。豈可詳辨乎哉。 Nghĩa là: Vốn sách Lĩnh Nam chích quái [38*] nhằm khảo sát những việc quái lạ xưa nay, thường căn cứ vào lời kể dân gian, do các nhà nho chép thì rất nhiều và không thống nhất. Như nền văn hiến nước Việt ta, vốn rất cổ, so với các nước khác. Biết bao nhiêu điều quái lạ, được ghi lại, phản ánh việc xưa, đều là câu chuyện trao đổi hằng ngày của các thời kỳ đó.

Trong văn cảnh trên, văn hiến được coi như là những ghi chép (thư tịch) về chuyện kể dân gian.

4.4. Bài ký văn bia đề danh Tiến sĩ khoa Đinh Mùi niên hiệu Cảnh Trị năm thứ 5 (1667) do Nguyễn Kiều[39*] soạn và khắc năm Vĩnh Thịnh 13 (1717) có đoạn như sau: "kính nghĩ quốc triều nhân nghĩa dựng nước, văn hiến nức danh. Khoa thi Tiến sĩ đặt ra từ lâu, khắc đá đề tên quy mô to lớn...Thực nhớ một lòng sửa đức, trăm việc mở mang, chính sự tốt đẹp

của nước nhà đổi thay rạn vỡ, hiền tài trong thiên hạ nợp nợp kéo về... Đến nay, hoàng thượng về vang kế thừa ngôi báu, hết sức xây đắp cơ đồ, nắm giữ quyền bèn bạc nghi lễ, theo thể thức tôn quý người hiền... Như vậy đủ biết sự chế tác của thánh triều có quan hệ đến phong hóa”[40].* Đoạn văn trên cho biết một số dữ kiện về khái niệm văn hiến như sau: 1.Khoa cử; 2. Văn vật (khắc đá); 3. Hiền tài; 4. Nghi lễ. và 5.Phong hóa (phong tục giáo hóa)[41*].

4.5. Thế kỷ XIX, trong sách Lịch triều hiến chương loại chí, Phan Huy Chú đã viết: “Khi nhà Lê dựng nước, văn hóa lại thịnh dần, hơn 300 năm chế tác đầy đủ kỹ càng, văn hiến đứng đầu trung châu, điển chương rạng cả triều đại” (Văn tịch chí, bản dịch, quyển 4, tr. 41).

4.6. Điện Thái Hòa (Huế) đời Nguyễn còn khắc một bài thơ như sau:

文獻千年國/ 車書萬里圖

鴻龐開闢後/ 南服一唐虞

Phiên âm:

Văn hiến thiên niên quốc

Xa thư vạn lý đồ

Hồng Bàng khai tịch hậu

Nam phục nhất Đường Ngu.

Nghĩa là:

Nước nghìn năm văn hiến

Cơ đồ [42*] muôn dặm xa thư

Kể từ sau khi Hồng Bàng mở nước

Nước Nam lại là một Đường Ngu.

Dịch thơ:

Nước văn hiến nghìn năm đã có

Mối xa thư muôn dặm cơ đồ

Hồng Bàng mở nước từ xưa

Nam bang lại một Đường Ngu thái hòa.

Đây cũng có thể coi là một định nghĩa nữa về văn hiến. Trong đó, khái niệm quan trọng nhất là Xa thư. Xa là xe, thư là sách. Xa thư nguyên dẫn từ thiên Trung dung中庸 sách Lễ ký: kim thiên hạ xa đồng quỹ thư đồng văn 今天下車同軌書同文 nghĩa là “nay thiên hạ: xe cùng cỡ trục, sách chung văn tự”, sau xa thư trở thể chế pháp độ của nhà nước theo mô hình Nho giáo. Xét về từ nguyên thì thể chế pháp độ ấy bao gồm văn tự- thư tịch và quy tắc xã hội. Sách Đại Nam quốc sử diễn ca của Phạm Đình Toái có câu: dãi truyền một mối xa thư, cũng là nói về văn hiến nước Đại Nam vậy.

4.7. Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội có đôi câu đối:

南邦文獻千年國

東魯儒宗萬世師

Nam bang văn hiến thiên niên quốc

Đông Lỗ nho tông vạn thế sư

Nam bang là nước ngàn năm văn hiến

Ngài sáng lập đạo Nho ở đất Đông Lỗ là bậc thầy của muôn đời.

Qua nội dung câu đối và bài thơ trên, có thể thấy văn hiến Đại Việt luôn được so sánh, đối chiếu với thời đại thịnh trị viễn cổ là Đường Ngu (nhà Chu) với các nhân vật lý tưởng, các thánh nhân của Nho gia như Chu Công, Khổng Tử. Rõ ràng, văn hiến là một khái niệm của Nho giáo, và được dùng bởi các nhà Nho thuần thành. Văn hiến được dùng để ngợi ca một cảnh tượng thái hòa về chính trị, bình ổn về xã hội và nhân tâm. Đặt trong, bối cảnh như vậy, những biểu tượng và ý nghĩa của khái niệm này đã dần rõ nét.

4.8. Bài văn sách đình đối của Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân Vũ Tông Phan khoa Bính tuất niên hiệu Minh Mệnh thứ bảy (1826): Hựu dĩ ngã Việt quan chi, Đình bình sứ quân chi loạn, Lý xưng văn hiến chi bang, Lê phủ thái bình chi vận, trị nhật hà đa dã? 又以我越觀之丁平使君之亂李稱文獻之邦黎撫太平之運治日何多也 nghĩa là: *"Lại đem [sử] nước Việt ta ra mà xét, triều Đình thì bình loạn sứ quân, triều Lý thì gọi là nước văn hiến, triều Lê chăm vận thái bình, thời gian trị vì sao nhiều vậy?"*[43*] Đến đây, chúng ta thấy, sách vở thư tịch cũ đã ghi chép những đoạn khen ngợi, xác nhận nước ta là "văn hiến chi bang" từ thời Sĩ Nhiếp cho đến Lý, Trần, Lê, Nguyễn.

4.9. Bài văn sách đình đối của đệ nhị giáp tiến sĩ Nguyễn Đình Dương khoa Canh Thìn niên hiệu Tự Đức thứ ba mươi ba (1880): Ngã quốc tổ xưng văn hiến, nhi nhân gian thư tịch chi truyền, thực giác quả lậu. Bất duy ngoại quốc chư thư, nhân sở hãn kiến, nhi kinh, sử, tử, điển, diệp sở hãn kiến. 我國素稱文獻而人間書籍之傳實覺果漏不維外國諸書人所罕見而經史子典亦所罕見[44*] Nghĩa là: *Nước ta vốn xưng là văn hiến mà việc lưu truyền sách vở trong dân gian thực là ít ỏi. Không chỉ có các sách nước ngoài người ta ít được thấy, mà các sách kinh, sử, chư tử, điển chế cũng ít được coi.*

5. Phân suất cấu trúc nghĩa của khái niệm văn hiến

Về mặt tự nguyên, Văn có bốn nghĩa: *văn tự, ngôn ngữ, văn thư, và văn chương*[45*], cũng như chỉ những tư liệu nói chung có liên quan đến điển chương chế độ, hiển chỉ người hiền tài, chủ thể sáng tạo có học thức. Mặt khác, từ những cứ liệu như đã dẫn ở trên, trong bối cảnh của tri thức Nho giáo, tạm thời có thể phân suất nghĩa của khái niệm văn hiến như sau.

1 . *Ngôn ngữ*

2 . *Văn tự*

3 . *Sách vở, điển tịch*

4 . *Văn chương* 5. *Các yếu tố văn hóa- chính trị thuộc điển chương, chế độ của Nho giáo, như: chế độ y quan, chế độ lễ nhạc, pháp độ tiên vương, hiến pháp hoàng triều. Điển chương là "các khuôn phép lễ chế từ vua trước đặt ra"*[46*], *chế độ là "những phép tắc định lập rõ ràng"*[47*],

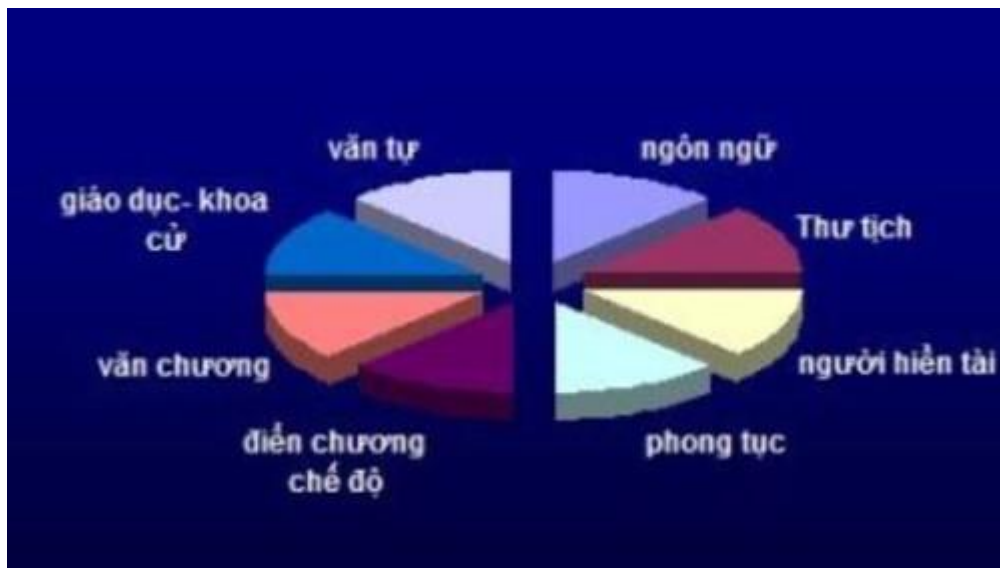
pháp độ là những quy định tiêu chuẩn (pháp) về hành vi để đánh giá (độ) phẩm hạnh, đức độ, học vấn của một người.

6 . Phong tục (phong giáo): những ảnh hưởng của chế độ lễ nhạc quan phương đối với cộng đồng xã hội.

7 . Giáo dục và chế độ khoa cử.

8 . Người hiền tài (chủ yếu trở Nho sĩ, nhưng bản thân mỗi Nho sĩ lại là một phức thể dung hội Tam giáo và có thể còn hơn thế nữa, nên đối tượng ngoại diên thuộc loại hình nhân vật lịch sử này cũng khá là phong phú).

Có thể biểu diễn cấu trúc khái niệm văn hiến qua mô hình sau:

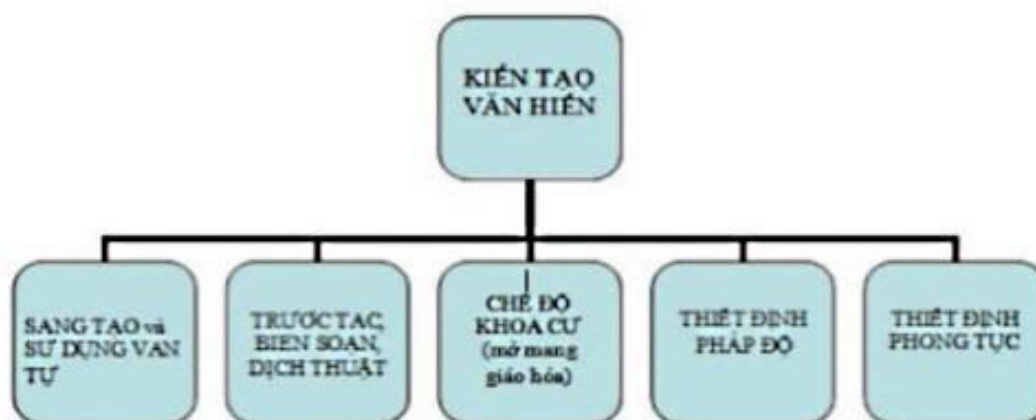


Tuy nhiên, ở từng yếu tố cũng cần phải có sự phân định một cách cụ thể. Thư tịch gồm những loại sách gì? Theo phân loại thời trung đại thì thư tịch được chia ra làm *kinh, sử, tử, tập*, tức các sách kinh điển, sách lịch sử, các sách trước tác của kẻ sĩ và các sách biên soạn lại khác. Theo thời gian, thì thư tịch chia làm hai loại: 1. Cổ thư (sách vở của người xưa để lại) và 2. Kim thư (sách do người đương thời soạn). Vì thế, khi nghiên cứu về văn hiến đời nào đó ở diện thư tịch, thì sẽ có hai hướng nghiên cứu. Thứ nhất là việc nghiên cứu cổ thư thuộc về nghiên cứu thư mục học. Cách nghiên cứu này dựa vào các bộ thư mục của từng thời đại để có thể biết được khối lượng tri thức của đời đó như thế nào. Thứ hai là nghiên cứu sách vở trước tác vào một giai đoạn lịch sử cụ thể đó. Và cuối cùng, đối với người nghiên cứu, thư tịch còn bao gồm cả những sách vở của đời sau sưu tập hay biên soạn về thời đại đó nữa.

Mặt khác, mối quan hệ giữa các yếu tố của khái niệm văn hiến cũng cần phải bàn đến. Ngôn ngữ văn tự được coi là yếu tố tiên quyết của một quốc gia văn hiến. Đặc biệt là văn tự, văn tự là một trong những phát minh quan trọng nhất để xác độ trình độ phát triển của một dân tộc. Có văn tự thì mới có thể ký chép sách vở. Sách vở có tính truyền thống, có ảnh hưởng đến nhiều người, là khuôn mẫu của muôn đời thì gọi là kinh điển. Kinh điển của cổ nhân là nguồn tri thức quan trọng nhất để tích lũy các tri thức và tạo nguồn cho trí thức của một cộng đồng. Khi đã có được vị trí

nhất định trong một hệ thống chính trị quan phương, giới trí thức sẽ góp phần quan trọng để tái tạo và thi hành những điển chương của cổ nhân; đồng thời họ cũng sẽ tiến hành kiến tạo những chế độ mới, điển chương mới, phép tắc mới. Thêm nữa, bất kỳ một quan lại nào theo lối học cử tử ngày xưa cũng đồng thời là một văn sỹ. Cho nên, các sách vở biên soạn của cá nhân mỗi người cũng có thể coi là một nguồn thư tịch góp phần làm nên văn hiến của thời đó. Dù văn chương, lịch sử hay sách tư tưởng triết học đều xoay quanh khía cạnh điển chương giáo hóa, với chức năng “văn dĩ tải đạo”, “củng cố hồng đồ”. Sách vở góp phần tạo nên nhân tài với những chuẩn tắc của quá khứ, nhân tài dựa vào những chuẩn tắc cũ để thiết lập nên hệ thống chuẩn tắc mới (mang màu sắc cổ nhân) và biên soạn những sách vở mới. Đây có thể coi là một mô hình tái tạo tuần hoàn và sáng tạo khép kín của những nền văn hóa thuộc ảnh hưởng của văn hóa Nho giáo.

Có thể thấy văn tự, thư tịch, hiền tài và điển chương chế độ là sản phẩm là kết quả của các hành vi chính trị – văn hóa. Chúng là phần nổi, phần dễ nhìn thấy của các hoạt động xã hội. Cụ thể, thư tịch là kết quả của quá trình biên soạn, trước tác, dịch thuật của cá nhân cũng như nhà nước. Hiền tài vừa là sản phẩm tự thân vừa là sản phẩm chính thống của chế độ khoa cử. Điển chương chế độ là yếu tố lũy tích của các triều đại, qua rất nhiều lần “chế lễ tác nhạc, định triều quy” (tức hành vi thiết định pháp độ và hệ thống hành chính). Các quá trình hoạt động văn hóa xã hội trên đều có thể quy vào quá trình kiến tạo văn hiến. Có thể thấy rõ điều này qua mô hình dưới đây.



Mô hình văn hiến và kiến tạo văn hiến trên đây tạm có thể coi như là bảng chuẩn để tiến hành khảo sát từng tiêu chí qua từng trường hợp cụ thể cho các giai đoạn lịch sử nhất định nào đó. Việc khảo sát này dựa trên những thư tịch cổ còn lại, cũng có khi có sự kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đây.

Tiểu kết: Bài viết, từ việc khảo sát các văn cảnh xuất hiện chữ “văn hiến” trong các thư tịch Nho gia, đã phân suất được tám nét nghĩa của khái niệm này trong bối cảnh tri thức của những người biên soạn (là các nhà Nho) trong chiều dài lịch sử quãng 600 năm. Sự khảo sát này chỉ có tính

chất thao tác và thực hiện thí điểm, chứ chưa phải đã bao quát hết toàn bộ tư liệu sách vở cổ của Việt Nam trong thời Trung đại, vì thế, kết luận và mô hình đưa ra ở đây tạm chỉ gói gọn trong những tư liệu mà chúng tôi hiện có. Việc áp dụng mô hình cấu trúc văn hiến từ bối cảnh tri thức Nho giáo cũng như khảo sát hoạt động kiến tạo văn hiến của các triều đại quân chủ trước đây cần được khảo sát qua từng nhân vật hay thời đại cụ thể từ đó mới cho phép chúng ta có một hình dung bước đầu về một nền văn hiến của dân tộc, góp phần vào việc nghiên cứu so sánh sự tiếp xúc văn hóa giữa Việt Nam và trung Hoa trong quá khứ xa xưa".
(Bài 1 Văn Hiến Việt Nam – Xem tiết Bài Văn Hiến 2)

IV- CỨU CÁNH, NỘI DUNG, NỘI HÀM CỦA DANH TỪ VĂN HIẾN:

Qua công phu sưu tầm nhận định của học giả Hán Nôm Trần Trọng Dương (ở trên), đã xác định được 8 yếu tố làm thành Văn Hiến Việt Nam:

- 1 - Ngôn ngữ.
- 2 - Văn Tự
- 3 - Sách vở, điển tịch
- 4 - Văn chương.
- 5 - Các yếu tố Văn Hóa, Chính trị...
- 6 - Phong tục, Tập quán.
- 7 - Giáo dục và chế độ khoa cử.
- 8 - Người Hiền Tài.

Và đã thiết định được 5 phương thức kiến tạo Văn Hiến:

- 1 - Sáng tạo và sử dụng văn tự
- 2 - Trước tác ,biên soạn, dịch thuật...
- 3 - Thiết dựng chế độ khoa cử.
- 4 - Thiết dựng Pháp độ.
- 5 - Thiết dựng phong tục.

Giờ đây, chúng ta cần đi sâu, tìm hiểu cứu cánh, nội dung, nội hàm của danh từ Văn Hiến trên các phương diện:

1 / Văn Hiến về phương diện nòi giống:

Nếu người Nhật tự hào là con cháu của Thái Dương Thần Nữ: thì người Việt Nam tự hào là thuộc nòi giống: CON RỒNG CHÁU TIÊN (Rồng là biểu hiện cho sức mạnh và sự biến hóa, Tiên là tượng trưng cho sự trong sạch và thiêng liêng...)

2 / Văn Hiến về phương diện chủ thể con người:

- Văn Hiến là kết tinh tỏa sáng trí tuệ, lương tri và phẩm giá con người Việt Nam.
- Văn Hiến thăng hoa chủ thể Con Người
- Văn Hóa thăng hoa chủ thể Quần Chúng Quốc Dân

3 / Văn Hiến về phương diện Xã Hội:

Văn Hiến thể hiện nếp sống trung thực, thuần hậu, hài hòa, đạt cứu cánh thiện hảo, tương thân tương ái:

" Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng"

"Thương người như hể thương thân"...

"Miếng khi đói bằng gói khi no", "Chị ngã em nâng", "Là lành đùm lá rách, lá rách đùm lá tỏ tươi"....

4 / Văn Hiến về phương diện Văn Hóa;

Văn Hiến thể hiện nền Văn Hóa Việt vượt thoát mâu thuẫn, hóa giải mâu thuẫn tiến tới **Chân Thiện Mỹ, Chân Minh Hoan, Chân Thiện**

Nhẫn, Văn hóa Việt thấm nhuần tinh thần Văn Hiến nên cũng là nền văn hóa hiếu học, hiếu khách, cần cù lao động, yêu thích thơ văn.. Nền văn hóa Việt cũng là nền văn hóa biết ơn: "*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*" "*Uông nước nhớ Nguồn*" ...

5 / Văn Hiến về phương diện Văn Minh:

Văn Hiến thể hiện nền văn minh trọn vẹn: vừa là văn minh vật chất (thực dụng) vừa là Văn Minh tinh thần, Đạo học, Tâm linh

6 / Văn Hiến về phương diện Nhân Văn:

Văn Hiến có chủ đích phát huy tinh thần "Nhân văn cao đẹp" trong con người Việt Nam nói riêng và trong quần chúng Quốc Dân Việt Nam nói chung.

7 / Văn Hiến về phương diện Dân Tộc:

Văn Hiến nêu cao tinh thần yêu nước, thương dân, sống có ý thức, có lý tưởng cao cả: "*Sống nhục sao bằng thác trong*" "*sống cương trực, khí tiết*, "*Sống Hưởng Thượng và Hưởng tha*" (Hưởng thượng là hưởng về tâm linh. Hưởng tha là sống vì người, cho người, sống hy hiến thân mình cho đời, cho quê hương Đất Nước) quyết tâm giữ gìn Bản sắc Dân Tộc, hun đúc tinh thần Bất khuất, Đoàn kết chống xâm lăng....Tỏa sáng tinh thần Diên Hồng: toàn dân một lòng, cả nước đánh giặc ...

8 / Văn Hiến về phương diện Quốc Gia:

Văn- hiến là nền tảng hình thành độc lập, tự chủ, và chủ quyền bất khả xâm phạm của Tổ Quốc.

9 / Văn Hiến và Chân Lý Tinh Hoa Sự Sống:

Văn Hiến không chỉ là Nếp Sống, Ý thức Sống, Lý tưởng Sống, Chuẩn mực Sống, Quan niệm Sống, Cứu cánh Sống "*Chí Nhân Đại Nghĩa*"...*Văn Hiến còn là ngọn lửa thiêng ngàn đời bất diệt của ĐẠO SỐNG VIỆT NAM*

V - KHẲNG ĐỊNH VIỆT NAM CÓ 5.000 NĂM VĂN HIẾN.

Đối với câu hỏi :Việt Nam có mấy ngàn năm Văn Hiến ? Theo câu nói

cửa miệng của người dân Việt Nam từ ngàn xưa : Việt Nam có

4.000 năm Văn Hiến. Tuy nhiên cũng có người nghi ngờ và cho rằng Việt

Nam chỉ có 2.000 hay 2.500 năm Văn Hiến. Để trả lời câu hỏi trên Học giả

Hà Văn Thù, người đã bỏ ra 15 năm chuyên nghiên cứu về "Nguồn Gốc

Dân Tộc Việt Nam", "Tiến trình hình thành Văn Hóa Việt Nam"... Học giả Hà Văn Thùy đã khẳng định Việt Nam có 5000 năm Văn Hiến .(48*)

" Ở thế kỷ trước, nước Xích Quỷ, Tổ Kinh Dương Vương... chỉ là ảo ảnh xa vời trong huyền thoại mà người Việt thường tư tưởng như kẻ mơ ước hái sao trên trời. Nhưng sang thế kỷ này, khoa học đã mở rộng đường cho ta tìm lại cội nguồn. Nhờ đọc được cuốn thiên thư DNA trong máu huyết của người Việt cũng như người châu Á, ta biết rằng khoảng 40.000 năm trước, người Lạc Việt từ Việt Nam đi lên khai phá Hoa lục. Khảo cổ học cho thấy tổ tiên ta sáng tạo những nền văn hóa nông nghiệp kỳ vĩ ở phương Đông. Trong đó nổi bật lên là văn hóa Lương Chử. Được phát hiện năm 1936 tại trấn Lương Chử, huyện Dư, thành phố Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Văn hóa Lương Chử là nền văn hóa khảo cổ Hậu kỳ Đá Mới, tồn tại từ 3300 tới 2200 năm TCN. Văn hóa Lương Chử phân bố chủ yếu ở Thái Hồ, thuộc lưu vực sông Dương Tử, nơi người Việt cổ định cư, bao gồm huyện Dư Hàng, Nam Gia Hưng, Đông Thượng Hải, Tô Châu, Thường Châu, Nam Kinh. Di chỉ còn được mở rộng ra phía tây đến An Huy, Giang Tây. Phía bắc tới bắc Giang Tô, lan tỏa tới gần Sơn Đông. Văn hóa Lương Chử còn ảnh hưởng tới phía nam Sơn Tây. Vào thời điểm đó, sức mạnh của Lương Chử chiếm một nửa Hoa lục, nếu trình độ kinh tế và văn hóa không cao, thì không thể thực hiện được. Thành phố cổ Lương Chử có thể được gọi là "thành phố phương Đông đầu tiên", là "bình minh của nền văn minh" phương Đông, là thánh địa của văn minh phương Đông...

Nghiên cứu khảo cổ học cho thấy ở văn hóa Lương Chử, nông nghiệp đã bắt đầu tiến vào thời kỳ cày đất, thủ công mỹ nghệ trở nên chuyên nghiệp hơn, công nghiệp chế tác ngọc đặc biệt phát triển. Việc xuất hiện lượng lớn ngọc bích thờ cúng đã mở ra khúc dạo đầu nghi thức xã hội. Sự phân biệt giữa lăng mộ lớn của quý tộc và mộ dân thường cho thấy sự gia tăng của phân tầng xã hội. Có thể nói, gia tộc và bộ tộc đã nổi lên với các nhà lãnh đạo chính quyền tập trung. Một số lượng lớn sức lao động được tổ chức, hình thành một cấu trúc xã hội quy mô lớn. Từ vị trí, sự bố trí và đặc điểm cấu trúc của thành cổ, các chuyên gia tin rằng có những cung điện, nhà vua và giới quý tộc sống, chính là kinh đô của nhà nước Lương Chử cổ đại. [49*]

Như vậy, vương quốc Lương Chử là có thực. Trên lãnh thổ của vương quốc, tồn tại dai dẳng duy nhất nhà nước Xích Quỷ huyền thoại. Với nhiều yếu tố trùng hợp giữa thực địa và truyền thuyết, ta có đủ cơ sở để cho rằng, Lương Chử là kinh đô của Xích Quỷ

Với bốn tiêu chí: thời điểm, cương vực, kinh đô và dân cư cho thấy, có sự tương đồng rõ ràng giữa nhà nước Lương Chử được khảo cổ học phát hiện và nhà nước Xích Quỷ trong truyền thuyết của người Việt Nam. Giữa những vật chứng cam lạng nằm sâu trong lòng đất hàng nghìn năm và những câu truyện truyền miệng mong manh suốt 5000 năm trong dân gian mà có được sự gắn gũi, tương đồng như vậy quả là lý tưởng. Điều này khiến ta có thể mạnh dạn khẳng định:

Nhà nước Lương Chủ được khảo cổ học phát hiện chính là nhà nước Xích Quỷ trong truyền thuyết. Việt Nam là hậu duệ của nhà nước Xích Quỷ nên có 5000 năm văn hiến.

Việc phát hiện thành phố cổ Lương Chủ khiến cho một số người nghĩ rằng thứ thế các triều đại của Trung Quốc nên được viết lại. Hiện nay các triều đại Hạ, Thương, Chu được coi là sớm nhất, nhưng vai trò này cần được trả cho Lương Chủ! Sau 80 năm khai quật và khảo cứu văn hóa Lương Chủ, giới học giả Trung Quốc thừa nhận: "Văn hóa Lương Chủ là cội nguồn của văn minh Trung Quốc."

Trong cuốn sách nổi tiếng Nhiệt đới buồn, Claude-Lévi-Strauss cho rằng "Con người chỉ thực sự sáng tạo những công trình vĩ đại vào buổi đầu. Trong bất cứ lĩnh vực nào, chỉ có bước đầu hoàn toàn có giá trị, những giai đoạn kế tiếp chỉ là sự lặp lại những giai đoạn đã qua." "Một trong những giai đoạn nhiều sáng tạo nhất của lịch sử nhân loại xảy ra vào thời đại đá mới với sự phát minh ra trồng trọt, chăn nuôi... Muốn đạt đến những thành quả vĩ đại này, không phải trong chốc lát là được, mà trái lại, những tập thể loài người bé nhỏ lúc bấy giờ đã phải trải qua hàng mấy nghìn năm quan sát, thí nghiệm và truyền đạt kinh nghiệm từ đời này sang đời khác. Sự nghiệp vĩ đại này đã diễn ra một cách tốt đẹp, liên tục và thành công..." (Tristes tropiques, Paris Plon, 1955, tr.269.) Đúng như nhận định của tác giả Nhiệt đới buồn, Văn hóa Lương Chủ là đỉnh cao nhất của văn hóa phương Đông, tích tụ những thành quả của 70.000 năm phấn đấu sáng tạo của người Lạc Việt. Điều này cũng nói lên rằng Xích Quỷ là một nhà nước văn hiến theo cái nghĩa ban đầu của Khổng Tử. Kế thừa từ Xích Quỷ-Lương Chủ nên Việt Nam có 5000 năm văn hiến."(50*)

(Bài Văn Hiến 2- Xem tiếp Bài Văn Hiến 3)

V- BA PHƯƠNG THỂ ỨNG XỬ CỦA CON NGƯỜI TRONG DÒNG SINH MỆNH VĂN HIẾN

1- Con người là chủ thể của Văn Hiến":

Không có con người thì không có Xã Hội, Văn Hiến, Văn Hóa và Văn Minh .Điều rõ ràng và hiển nhiên, con người là chủ thể của Xã Hội, là chủ thể của Văn Hiến Văn Hóa Văn Minh Dân tộc và Nhân loại

2 - Nhân tài hay Hiền Tài là "Nguyên khí" của Quốc gia, là "Quốc bảo" của nền Văn Hiến:

Nhà Đại Nho Chu Hy khi chú giải về Văn Hiến : "*Văn điển tịch dã, Hiến hiền dã*" = (*Văn là điển tịch, Hiến là người Hiền vậy*) Nhờ có Minh triết, Triết lý cao đẹp , nhờ có đức tịch, pháp độ kỷ cương là giềng mối của xã hội ; nhờ có ngôn ngữ, phong phú kỳ diệu; nhờ có phong tục, tập quán thuần hậu và hồn thiêng sông núi đã hun đúc nên những bậc hiền tài là "Nguyên khí" của Quốc Gia là "Quốc bảo" của nền Văn Hiến Việt Nam. Ngược lại nhờ những bậc Hiền Tài , Anh hùng Tuấn kiệt không những đã lập được đại công cứu dân cứu nước khi Tổ quốc lâm nguy, và luôn luôn làm sáng tỏ ,rực rỡ nền Đạo Lý là Nguồn Sống của Văn Hiến Văn Hóa Việt Nam.

(Bài Văn Hiến Việt nam 3 –chưa xong)

VI - VĂN HIẾN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ THỜI ĐẠI

(Bài Văn Hiến Việt Nam 4- chưa xong)

VII - SỨ MẠNG KẾ THỪA, PHỤC HIẾN VÀ PHÁT HUY VĂN HIẾN VIỆT NAM

(Bài Văn Hiến Việt Nam 5- chưa xong)

1 - Kế Thừa nền Văn Hiến:

*** Chu Tấn.**

Chú Thích:

(1*) Xen Dư Địa Chí, Nguyễn Trãi- Lý tử Tấn Chương XLVIII, bản dịch của Á Nam Trần Tuấn Khải của miền Nam, và Chương 48, bản dịch của của Viện Sử Học Hà Nội.

(2*)<http://diendan.lyhocdongphuong.org.vn/bai-viet/21195-bon-ngan-nam-van-hien/>

(3*) Trích Hùng Việt Sử Ca -Thăng Mỗ xuất bản 1984.

(4*)"**Đôi Thoại Soi Sáng Lịch Sử**"- Tập 2 Tác giả Hà Văn Thùy Nhân Ảnh Xuất bản 2020 Trang 279

(5*)<https://tunguyenhoc.wordpress.com/2012/06/11/tu-nguyen-cua-tu-van-hien-qua-boi-can-h-tri-thuc-nho-giao-viet-nam-trung-hoa-tran-tron>

[6*] Nguyễn Như Ý (chủ biên). Đại từ điển tiếng Việt. Nxb.Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh. Tr.1744.

[7*] Lại Cao Nguyên và Phan Văn Các. 2007. Từ điển từ Hán Việt. Nxb.KHXH. H. tr.534.

Trung tâm Từ điển học Vietlex. 2007. Từ điển tiếng Việt. Nxb. Đà Nẵng. tr.1697.

[8*] **Erreur ! Référence de lien hypertexte non valide.**;

[9*] Viện Ngôn ngữ học. 2000. Từ điển tiếng Việt. Nxb. Đà Nẵng & TT từ điển học. tr.1100.

[(10*) Từ điển tiếng Việt (tb lần 2, 1977). Nxb. KHXH. H. tr.846.

[11*] Bửu Cầm. (1999). Từ điển Hán Việt từ nguyên. Nxb. Thuận Hóa. Tr.2309.

[12*] Ban Tu thư Khai trí, (1971), Tự- điển Việt Nam , Nhà sách Khai trí 62 Lê Lợi Sài Gòn. Tr.911.

[13*] Đào Văn Tập, (1951), Từ điển Việt Nam phổ thông, Nhà sách Vĩnh Bảo, Sài Gòn. Tr.689.

[14*] Thanh Nghị. (1951). Việt Nam tân từ điển, Nhà in Thời Thế 185/54 đường Colonel Grimaud- Saigon. tr.1428.

[15*] Gustave Hue, (1937), Dictionnaire Vietnamien Chinois Français (Tự điển Việt- Hoa- Pháp), Nhà sách Khai trí, 62,Lê Lai-Saigon, 1971 (in theo ấn bản Imprimerie Trung Hòa). Tr.1113.

[16*] Đào Duy Anh, (2001 -in theo ấn bản cũ 1932), Từ điển Hán Việt 辭典漢越, Nxb Khoa học Xã hội, Tp Hồ Chí Minh. Tr.537.

[17*] Hội Khai trí Tiến đức, (1931), Việt Nam tự điển, HANOI Imprimerie Trung-Bac Tan-Van. Mặc Lâm xuất bản. tr. 626.

[18*] Xem Nguyễn Vinh Phúc.2009.Sự hiện diện của văn hiến Thăng Long. **Erreur ! Référence de lien hypertexte non valide.**;

[19*] Xem Đỗ Trọng Huề. 1998. Văn Hóa Và Văn Chương, Đặc San Gió Việt.Calgary, Canada.

[20*] Kim-Định 1979. Hồn Nước với Lễ Gia Tiên. USA. tr.303.

[21*] Văn hóa文化 là cách nói tắt của cụm văn chương giáo hóa: tức là dùng văn chương dạy dỗ, để cảm hóa và biến đổi đời sống tinh thần cũng như đời sống vật chất của một người hay một cộng đồng xã hội. Từ điển của Hội Khai trí Tiến đức ghi: "văn hóa: sự giáo dục do văn học đã thấm thía vào trí não người ta"

[tr.626] Từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh ghi: "văn hóa: văn vật và giáo hóa, dùng văn tự mà giáo hóa cho người"

[22*] Tạm thời có thể phân suất nghĩa từ nguyên của từ văn minh 文明 như sau nghĩa thứ nhất là rực rỡ. Cái đức của nó cương kiện và văn minh, ứng với trời thì mùa vận hành, cho nên đứng đầu và hanh thông (Kinh dịch, quẻ Đại hữu). 2. Tt. Văn vẻ và sáng rực rỡ (dùng cho đạo đức, Nho), Vua Thuấn uyên thâm và văn minh (Tuấn triết văn minh) (Kinh Thư). 3. Tt. Trạng thái có giáo hóa, có đạo đức, có lễ nghi, có điển tắc. Thánh Tông Thuần Hoàng Đế sáng lập pháp chế, mở ra muôn đời văn minh (ĐVSKTT) Họ Đinh vốn dòng họ đàn anh, giữ được đất xa, có lòng hâm mộ phong thái văn minh, thường tỏ ý muốn phụ thuộc với Trung Quốc. (KĐVSTGCM) Phong tục văn minh của đất Lĩnh Nam bắt đầu từ hai thái thú ấy.(ĐVSKTT) Từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh ghi: "cái tia của đạo đức phát hiện ra ở nơi chính trị, pháp luật, học thuật, điển chương,..." [tr.537].

[23*] Văn vật 文物 1. dt. Những dấu ấn về vật chất thể hiện văn hiến của một triều đại. Thái tổ Hoàng đế ta được nhà Chu nhường ngôi, thanh danh, văn vật, biến đổi trở lại như xưa. (An Nam chí lược)// Vua khéo biết kế thừa, cho nên thời cuộc đi tới thái bình, chính trị trở nên tốt đẹp, văn vật chế độ ngày càng thịnh vượng, cũng là bậc vua tốt của triều Trần. (ĐVSKTT) 2. Dt. Các di vật cổ có giá trị về lịch sử và nghệ thuật. Hà Nội nghìn năm văn vật. KTTD chú văn vật nghĩa như văn hiến. Từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh ghi: "những sản vật của văn hóa như lễ nhạc, chế độ" [tr.539]

[24*] Nguyễn Vinh Phúc. Bdd.

[25*] Nguyễn Ngọc San.. 2003. Tìm hiểu tiếng Việt lịch sử, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Nguyễn Tài Cẩn. 2001. Thử phân kỳ lịch sử 12 thế kỷ của tiếng Việt. Trong "Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hóa". Nxb. Đại học Quốc Gia Hà Nội. Tr.401-411.

[26*] Tứ thư đại toàn 四書大全. Luận ngữ tập chú đại toàn 論語集註大全 (quyển 3 卷三). Bát dật đệ tam 八佾第三. tr.14b.

[27*] Lĩnh Nam: trở toàn bộ vùng đất từ phía Nam dãy Ngũ Lĩnh trở lại, gồm phần đất thuộc Quảng Đông, Quảng Tây và nước ta. Với người Việt, từ Lĩnh Nam cũng được dùng để trở lãnh thổ quốc gia của nước mình. Đại Nam quốc sử diễn ca có câu: Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta.

[28*] Hồ Vị 胡渭. (乾隆四十三年 乾隆四十四年 乾隆四十五年 乾隆四十六年 乾隆四十七年 乾隆四十八年 乾隆四十九年 乾隆五十年 乾隆五十一年 乾隆五十二年 乾隆五十三年 乾隆五十四年 乾隆五十五年 乾隆五十六年 乾隆五十七年 乾隆五十八年 乾隆五十九年 乾隆六十年 乾隆六十一年 乾隆六十二年 乾隆六十三年 乾隆六十四年 乾隆六十五年 乾隆六十六年 乾隆六十七年 乾隆六十八年 乾隆六十九年 乾隆七十年 乾隆七十一年 乾隆七十二年 乾隆七十三年 乾隆七十四年 乾隆七十五年 乾隆七十六年 乾隆七十七年 乾隆七十八年 乾隆七十九年 乾隆八十年 乾隆八十一年 乾隆八十二年 乾隆八十三年 乾隆八十四年 乾隆八十五年 乾隆八十六年 乾隆八十七年 乾隆八十八年 乾隆八十九年 乾隆九十年 乾隆九十一年 乾隆九十二年 乾隆九十三年 乾隆九十四年 乾隆九十五年 乾隆九十六年 乾隆九十七年 乾隆九十八年 乾隆九十九年 乾隆一百年). Vũ cống đôi chỉ (hai mươi quyển) 禹貢錐指二十卷.

[29*] Từ hải. tr.1860.

[30*] Sĩ Nhiếp 士燮 (137-226) tự là Ngạn Tín, người đất Quảng Tín, quận Thương Ngô, là Thái thú Giao Chỉ từ năm 187 đến năm 226 (cuối thời Đông Hán, đầu thời Tam Quốc trong lịch sử Trung Quốc). Sĩ Nhiếp được đánh giá cao nhất bởi có công trong việc duy trì tình trạng hòa bình yên ổn ở Giao Chỉ trong suốt giai đoạn nội chiến Tam Quốc hết sức phức tạp tại Trung Quốc kéo dài hơn nửa thế kỷ. Chính tích đó giúp Sĩ Nhiếp gần như trở thành một vị vua tự trị của quận Giao Châu, thoát hẳn ra khỏi ảnh hưởng và mệnh lệnh của nhà Hán. Điều đó thể hiện qua lá thư của Viên Huy, vốn là quan nhà Hán bấy giờ đang ở Giao Châu,

gửi cho Thượng thư lệnh nhà Hán là Tuân Úc năm Đinh Hợi, Kiến An năm thứ 12 (207) đời Hán. Lá thư có đoạn: "Giao Châu Sĩ phủ quân đã học vấn sâu rộng lại thông hiểu chính trị, trong thời buổi đại loạn, giữ vẹn được một quận hơn hai mươi năm, bờ cõi không xảy ra việc gì, dân không mất nghiệp, những bọn khách xa đến trú chân đều được nhờ ơn, dẫu Đậu Dung giữ đất Hà Tây cũng không hơn được. Khi việc quan có chút nhàn rỗi thì chăm xem các sách thư, truyện. Phàm những chỗ biên chép không rõ ràng trong sách Xuân Thu Tả Thị truyện, (tôi) đem hỏi, đều được ông giảng giải cho những chỗ nghi ngờ, đều có kiến giải của bậc thầy, ý tứ rõ ràng, chặt chẽ. Lại như sách Thượng thư, cả cổ văn và kim văn, những ý nghĩa to lớn, ông đều hiểu biết tường tận, đầy đủ."

Ông được coi là một vị quan cai trị có tài và được giới Nho học phong kiến Việt Nam sau này suy tôn là một trong những nhân vật mở đường cho Nho giáo ở Việt Nam. Nhiều nơi hiện còn thờ ông.

[31*] Đào Duy Anh.1989. Nhớ nghĩ chiều hôm (Hồi ký). Nxb. Trẻ. tr. 216-218. Nhân đây xin gửi lời cảm ơn Ts. Nguyễn Xuân Diện đã chỉ dẫn nguồn tư liệu này.

[32*] (1).áo và mũ. Thời cổ kể sĩ đội mũ trên đầu, nhân thế dùng để trở trang phục của lớp người này. (2).chuyên chỉ lễ phục. (3).thay chỉ cho các bậc sĩ đại phu. (4), chỉ văn minh lễ giáo. từ điển Từ nguyên dẫn câu trong sách luận ngữ: "quân tử chính kỳ y quan" (người quân tử chỉnh tề mũ áo", chua là, sau trở nơi hoàng đế nghe việc chính sự. [tr.1528] 《ZDIC.NET 汉典网》

[33*] Nguyễn Trãi. An Nam Vũ Công安南禹貢(q.6). Ngô Ngọ Phong 吳午峰, Nguyễn Thư Hiên 阮舒軒, Nguyễn Hi Tư 阮希思 viết tiểu chú và lời bình; Lí Tử Tấn 李子晉 thông luận, Nguyễn Thiên Túng 阮天縱 tập chú. Trong Ước trai di tập (7.q). Phúc Khê tàng bản. Ký hiệu. VHv.1772/2-3. tr.30a-30b. Bản dịch tham khảo theo Phan Duy Tiếp và Hà Văn Tấn (hiệu đính, chú thích) trong Nguyễn Trãi Toàn tập tân biên (T2). Nxb. Văn học & TT Nghiên cứu Quốc học. H. tr.481-482. Xem thêm Nguyễn Thanh Tùng. 2010. Về lai lịch bài thơ Đáp Bắc nhân văn An Nam phong tục vẫn được xem là của Hồ Quý Ly. Trong "Thông báo Hán Nôm học năm 2009". Nxb. Thế giới. Hà Nội. tr.1014-1027.

[34*] Tức nhà Nguyên.

[35*] Xem chú trên. Sđd.

[36*] Đại Việt sử ký toàn thư (bản kỷ), q.7, tr.28a.

[37*] "Tức Lễ và Nhạc, là các phạm trù chính trị và luân lý của Nho gia. Lễ là do điển chương, chế độ, lễ nghi từ thời Tây Chu trở đi phát triển thành. Thuyết văn: "Lễ tức là Lý vậy. Lễ dùng để thờ thần cầu phúc" Như vậy, Lễ lúc ban đầu là để chỉ việc thờ thần, sau mới mở rộng ra Lễ nghi. Sau này, Lễ dần dần tách khỏi Nghi và có ý nghĩa chính trị "trị quốc an bang". Nhạc là âm nhạc. Thuyết văn: "Nhạc là tên gọi chung của ngũ thanh, Bát âm". Trịnh Huyền chú thích Lễ Ký-Nhạc Ký: "Bát âm cùng nổi lên một cách hài hoà thì gọi là nhạc. Lễ nhạc gọi gộp thì chỉ chung hình thái ý thức xã hội và quy phạm đạo đức, chế độ đẳng cấp toạ pháp của xã hội nô lệ, xã hội phong kiến. Tác dụng xã hội của nó là "quản lý quốc gia, ổn định xã tắc, giữ gìn trật tự trong nhân dân, làm lợi cho việc nối dõi về sau. (kinh quốc gia, định xã tắc, tự nhân dân, lợi hậu tự)." [Lao Tử- Thịnh Lê (chủ biên).2001. Từ điển Nho-Phật- Đạo. Nxb.Văn học. Hà Nội. tr.728]

[38*] Chỉ cuốn sách gốc từ thời Trần, tác giả khuyết danh, mà Trần Thế Pháp đã chép được và đề tựa năm Nhâm Tý hiệu Hồng Đức 23 (1492) tức bài Cổ thuyết tựa dẫn, trích ở phần sau sách Lĩnh Nam chích quái

[39*] "Nguyễn Kiều (1695-1752 hiệu Hạo Hiên, người xã Phú Xá huyện Từ Liêm (nay thuộc xã Phú Thượng huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Ông là chồng của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, 21 tuổi đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi Vĩnh Thịnh 11 (1715) đời Lê Dụ Tông, làm quan Tả thị lang bộ Binh và được cử đi sứ sang nhà Thanh. Ông là

tác giả của 4 bài văn bia tiến sĩ các khoa 1667, 1683, 1697, 1713)." [Theo Trịnh Khắc Mạnh. 2006. văn bia đề danh tiến sĩ Việt Nam. Nxb Giáo dục. H]

[40*] Trịnh Khắc Mạnh.2006.sđđ.

[41*] Từ Hải. tr.1851.

[42*] Trong nguyên văn chữ đồ là một danh từ. Theo Hán ngữ đại tự điển, chữ đồ này mang nghĩa là pháp độ [Q thượng, tr.276], đây cũng là nguyên từ của các chữ cơ đồ, hồng đồ.

[43*] Quốc triều Đình đối sách văn 國朝庭對策文, VHv.318/1 (Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm).

[44*] Quốc triều Đình đối sách văn 國朝庭對策文, ký hiệu VHv.318/2 (Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm).

[45**] Xem thêm cách phân suất từ nguyên của Liam Kelley.2003. Vietnam as a 'Domain of Manifest Civility' (Văn hiến chi bang). Journal of Southeast Asian Studies, Vol.34, No. 1, pp 63-76.

[46*] Đào Duy Anh. Sđđ. tr.276.

[47*] Đào Duy Anh. Sđđ. tr.158.

(48*) "**sđđ**"- Hà Văn Thùy Nhân Ảnh Xuất bản 2020 trang 279

(49*) .良渚文化_百度

科 <http://baike.baidu.com/view/1556>.

(50*) Độc giả muốn tìm hiểu hơn về nền Văn Hóa Lương Chử xin xem bài: "Di vật Văn Hóa Lương Chử tại Việt Nam" của Hà văn Thùy trong "**Đôi Thoại Soi Sáng Lịch Sử**" Tập 2 Nhân Ảnh xuất bản 2020 trang 267.

Nguồn: <https://ethongluan.org/index.php/doc-bai-luu-tru/6877-tr-m-tu-v-van-hi-n-vi-t-nam-2-chu-t-n>

www.vietnamvanhien.org

